

Số: 11/2017/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản
tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Xét tờ trình số 1865/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Nghị quyết phê chuẩn Quy hoạch
thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020,
có xét đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 132/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm
2017 của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

(Có quy hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ Nghị quyết số 65/2011/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến năm 2020.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Công thương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng

QUY HOẠCH

Thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

1. Mục tiêu

Đánh giá nguồn tài nguyên khoáng sản về qui mô trữ lượng, chất lượng, điều kiện khai thác từ đó xây dựng quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đề xuất nhiệm vụ và giải pháp thực hiện, góp phần đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững trước mắt và lâu dài.

2. Đối tượng

Các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ hoặc các mỏ đã được Trung ương bàn giao cho tỉnh quản lý trong các thời kỳ trước đây, dự báo tài nguyên còn lại đáp ứng tiêu chí khoanh định là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, trong đó trọng tâm là những khoáng sản có khả năng khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các khoáng sản sắt, mangan, bauxit, thiếc - vonfram, chì - kẽm, vàng, đồng, niken - đồng, barit, antimon và một số khoáng sản khác như: fluorit, đá ốp lát...

3. Dự báo trữ lượng và tài nguyên còn lại phù hợp tiêu chí đưa vào quy hoạch của một số loại khoáng sản

- Quặng sắt: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại 2.345.235 tấn;
- Quặng mangan: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại 2.585.119 tấn;
- Quặng thiếc - vonfram: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại 879,21 tấn;
- Quặng bauxit: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại chưa xác định;
- Quặng chì - kẽm: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại 9.873 tấn;
- Quặng antimon: Trữ lượng và tài nguyên dự báo còn lại 271.473,6 tấn.

4. Các nội dung quy hoạch

4.1. Dự báo nhu cầu sử dụng một số khoáng sản đến năm 2030

- Quặng sắt: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 4,0 triệu tấn;
- Quặng mangan: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 3,0 triệu tấn;
- Quặng thiếc: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 5.200 tấn tinh quặng ($\geq 70\%Sn$);
- Quặng bauxit: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 19,5 triệu tấn;
- Quặng chì - kẽm: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 1,1 triệu tấn;

- Quặng đồng, niken - đồng: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 5 triệu tấn quặng đồng và niken - đồng;

- Quặng antimon: Tổng nhu cầu sử dụng đến năm 2030 khoảng 350.000 tấn.

4.2. Quy hoạch thăm dò khoáng sản

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
A Quy hoạch thăm dò mỏ khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ					
1	Thăm dò điểm Mangan Tà Man xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh	Mangan	290	2017-2020	4
2	Thăm dò điểm Mangan Lũng Phiắc - Khuổi ky xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh	Mangan	300	2017-2020	6
3	Thăm dò điểm mangan Mã Phục - Lũng Riếc xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh	Mangan	44,8	2017-2020	1
Cộng			634,8		11
B Quy hoạch thăm dò mỏ khoáng sản đã được cơ quan Trung ương bàn giao cho Tỉnh quản lý, đáp ứng đủ tiêu chí khoanh định là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ					
1	Thăm dò điểm than Vải Nòn (xã Hồng An) huyện Bảo Lạc	Than	128,7	2017-2020	1
2	Sắt Bản Chang (X. Dân Chủ), Sắt phần ngoài mỏ Ngườm Cháng (X. Dân chủ), Sắt Nà Cắng (X. Hồng Việt), Sắt Bó Lếch-Hào Lịch (xã Hoàng Tung, xã Hồng Việt), Sắt Khau Gạm (X. Đức Long), Sắt Khau Mía (X. Đức Long), Sắt Phiêng Gù (X. Dân Chủ), Sắt Cốc Phung (X. Dân Chủ), Sắt Háng Hoá (X. Dân Chủ), Sắt Bó Ninh (X. Dân Chủ) huyện Hòa An	Sắt	672,4	2017-2020	15
3	Thăm dò các điểm Sắt Lũng Khoen, Sắt Cao Lù, Sắt Tây Bản Luộc (Thị trấn Nguyên Bình), Sắt Khuổi Lếch (X. Phan Thanh), Sắt lãn Nà Luộc, Sắt Bó Vặm, Sắt Bản Nùng - Bản Luộc, Bản Nùng I - Nà Bioóc (xã Thê Dục), Sắt Làng Chạng (xã Thê Dục, xã Vũ Nông) huyện Nguyên Bình	Sắt	846,8	2017-2020	20

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
4	Thăm dò các điểm Sắt Nà Đổng, Sắt Boong Quang (xã Chu Trinh), Sắt Nà Cạn (P. Sông Bằng) TP. Cao Bằng	Sắt	48,8	2017-2020	4
5	Thăm dò các điểm Sắt Đức Xuân (X. Đức Xuân), Sắt Chộc Sọ (xã Lê Lai) huyện Thạch An	Sắt	94,5	2017-2020	
6	Thăm dò các điểm Sắt Khuổi Rào - Phiêng Lếch (xã Hưng Đạo, xã Hưng Thịnh), Sắt Phiêng Buồng - Phiêng Buồng (xã Hưng Thịnh), Sắt Nặm Lìn (xã Đình Phùng), huyện Bảo Lạc	Sắt	971,1	2017-2020	20
7	Thăm dò các điểm Mangan Kha Mon (xã Ngọc Khê), Mangan Lũng Phải - Bản Chang (xã Đình Phong), Mangan Lũng Luông (xã Phong Châu), Mangan Pác Thành (X. Đoàn Côn), Mangan Lũng Phiác - Khuổi ky (xã Đàm Thủy), Mangan Dong Ồi (xã Ngọc Khê), Mangan Bản Hấu (xã Cao Thăng), Mangan Lũng Gà - Lũng Oai - Lũng Hoài (xã Lăng Hiếu), Mangan Tà Man (xã Đình Phong), Mangan Nà Mán (xã Đức Hồng), huyện Trùng Khánh	Mangan	1155,7	2017-2020	30
8	Thăm dò các điểm Mangan Bản Mặc (X. Quang Hán), Mangan Tóc Tát (xã Quang Trung và xã Tri Phương), Mangan Pái Cai (Bắc Rông Tháy) (xã Quang Trung), Mangan Mã Phục - Lũng Riếc (Lũng Riếc và cốc phát) (xã Quốc Toản), Mangan Tầng Giường-Kép Ky (xã Quang Trung, xã Tri Phương), huyện Trà Lĩnh	Mangan	448,6	2017-2020	10
9	Thăm dò điểm Mangan Pò Viên (xã Quốc Dân) huyện Quảng Uyên	Mangan	10	2017-2020	
10	Thăm dò điểm Mangan Lũng Phậy (xã Lý Quốc), Mangan Sộc Quân, Sà Lầu, Lũng Sườn (xã An Lạc và thị	Mangan	300,2	2017-2020	8

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
	trần Thanh Nhật), huyện Hạ Lang				
11	Thăm dò các điểm Chì kẽm Tổng Tinh (xã Phan Thanh), Chì kẽm Bản Đông (X. Phan Thanh), Chì kẽm Lũng Moỏng (X. Phan Thanh), huyện Nguyên Bình	Chì kẽm	82,4	2017-2020	2
12	Thăm dò điểm Chì kẽm Pù Bó (X. Đình Phùng), huyện Bảo Lạc	Chì kẽm	94,7	2017-2020	2
13	Thăm dò các điểm Bauxit Cây Tắc (X. Kéo Yên), huyện Hà Quảng	Bauxit	66,2	2017-2020	25
14	Thăm dò điểm Bauxit Pắc Giữa (X. Phong Nậm), huyện Trùng Khánh	Bauxit	83	2017-2020	2
15	Thăm dò các điểm Bauxit Đức Xuân (X. Đức Xuân)	Bauxit	103,4	2017-2020	2
16	Thăm dò các điểm bauxit ĐN Lũng Luông (X. Vũ Nông), Bauxit Lũng Luông (X. Vũ Nông), huyện Nguyên Bình	Bauxit	95,6	2017-2020	5
17	Thăm dò điểm Antimon Hát Han (X. Đức Hạnh), Huyện Bảo Lâm	Antimon	22,1	2017-2020	1
18	Thăm dò các điểm Antimon Khau Hai (X. Trọng Con), Antimon Na Ngân (X. Lê Lợi), Antimon Lũng Cốc (X. Đức Xuân) huyện Thạch An	Antimon	155,0	2017-2020	4
19	Thăm dò các điểm Antimon Nam Viên (xã Đình Phùng) huyện Bảo Lạc và (xã Ca Thành) huyện Nguyên Bình, Antimon Linh Quang (xã Minh Thanh), Antimon Dục Lang (xã Mai Long) huyện Nguyên Bình	Antimon	226,8	2017-2020	6
20	Thăm dò điểm Thiếc Nà Ngân (xã Trương Lương và xã Công Trùng), huyện Hoà An	Thiếc	103,5	2017-2020	2
21	Thăm dò các điểm Thiếc sa khoáng Nà Khoang (X. Minh Thanh), Thiếc Khuôn Rầy (X. Minh Thanh), Thiếc Phương Xuân (X. Phan Thanh), huyện Nguyên Bình	Thiếc	173,8	2017-2020	8
22	Thăm dò các điểm Vàng Thảm Riềm I (Xã Nam Quang), Vàng Thảm	Vàng	80,4	2017-2020	3

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
	Riềm II (xã Nam Quang), Vàng Lũng Cuối (xã Yên Thổ), Vàng Nam Quang (xã Nam Quang, xã Tân Việt A, xã Nam Cao) huyện Bảo Lâm				
23	Thăm dò các điểm Vàng Bản Giam (X. Hung Đạo), huyện Bảo Lạc	Vàng	78,6	2017-2020	3
24	Thăm dò các điểm Vàng Nậm Kim - Dục Lang (X. Ca Thành), Vàng Khuổi Tông (X. Triệu Nguyên), Vàng Nộc Sloa (X. Ca Thành), Vàng Pác Bó (X. Thử Dục), Vàng Cốc Mía - Cốc Cai (xã Mai Long), Vàng Nà Đong (xã Ca Thành), huyện Nguyên Bình	Vàng	270,8	2017-2020	12
25	Thăm dò các điểm Vàng Khau Man (X. Minh Khai), Vàng Nậm Giang (X. Quang Trọng), Vàng gốc Phiêng Đầy - Khau Sliềm (xã Minh khai và xã Quang Trọng) huyện Thạch An	Vàng	364,0	2017-2020	15
26	Thăm dò điểm Vàng Cốc Găng (X. Chu Trinh) TP: Cao Bằng	Vàng	265	2017-2020	9
27	Thăm dò các điểm Barit Tổng Ngoảng (X. Quảng Lâm), Barit - chì kẽm Phiêng Mường - Bản Khun (TT. Pác Miầu và xã Quảng Lâm) huyện Bảo Lâm	Barit	79,1	2017-2020	30
28	Thăm dò các điểm Phốt phát Nam Tuấn (X. Đại Tiến), Phốt phát Lam Sơn (X. Hồng Việt) huyện Hòa An	Phosphorit	88,3	2017-2020	2
29	Thăm dò điểm Thạch anh Nà Bản (xã Thành Công) huyện Nguyên Bình	Thạch anh tinh thể	6,3	2017-2020	2
30	Thăm dò điểm Dolomit Sộc Khăm (X. Đức Hồng), huyện Trùng Khánh	Dolomit	41,2	2017-2020	1
31	Thăm dò điểm Dolomit Nà Ón (xã Vân Trình) huyện Thạch An	Dolomit	6,8	2017-2020	1

TT	Tên dự án	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Thời gian	Vốn dự kiến (tỷ đồng)
32	Thăm dò điểm Sét Kaolin Nà Giường (X. Bế Triều) huyện Hoà An	Sét kaolin	30	2017-2020	1
33	Thăm dò điểm Đá vôi ốp lát Kéo Quyền (X. Lũng Nặm) huyện Hà Quảng	Đá vôi ốp lát	39	2017-2020	1
34	Thăm dò các điểm Đá silic Bản Piên (X Phong Châu), Đá ốp lát Nà Giốc (xã Phong Châu) huyện Trùng Khánh	Đá vôi ốp lát	80	2017-2020	1
35	Thăm dò Đồng Bản Đe (thị trấn Pác Miều); Đồng Lũng Liềm (xã Yên Thổ), huyện Bảo Lâm	Đồng	280,5	2017-2020	5
36	Thăm dò Đồng - niken Suối Cùn, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An và phường Sông Bằng, TP Cao Bằng	Niken - Đồng	268,4	2017-2020	10
	Cộng		7.871,7		264
	Tổng cộng		8.506,5		275

Trong giai đoạn 2017 - 2030 sẽ tiến hành thăm dò tại các mỏ, điểm mỏ sau khi mỏ đã có quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, công bố khu vực đó là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo quy định của Luật Khoáng sản và được điều tra, đánh giá khoáng sản của Nhà nước.

4.3. Quy hoạch khai thác và sử dụng khoáng sản

a) Quy hoạch khai thác khoáng sản

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
A. Quy hoạch khai thác mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ				
1	Mangan Tà Man, xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh	Chưa x/định	2017 - 2018	Thăm dò
2	Mangan Lũng Phiắc - Khuổi Ky, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh	45.123	2017 - 2018	Thăm dò
3	Mangan Xóm Bản Khuông, xã Thông Huệ, huyện Trùng Khánh	23.810	2017	Đã thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
4	Mangan Lũng Phải - Bản Chang, xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh	173.299	2017 - 2020	Thăm dò
5	Mangan Nà Num, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh	7.639	2017 - 2018	Thăm dò
6	Mangan Kha Mon, xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
7	Mangan Sộc Quân, Sà Lầu, Lũng Sườn, xã An Lạc và thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang	240.531	2017 - 2020	Thăm dò
8	Mangan Bản Mặc - Pắc Riéc, xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh	28.067	2017 - 2018	Đã thăm dò
9	Mangan Mã Phục - Lũng Riéc (Lũng Riéc và Cốc Phát), xã Quốc Toàn, huyện Trà Lĩnh	121.296	2017 - 2020	Thăm dò
10	Vàng Nam Quang, xã Tân Việt, xã Nam Cao và xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm (121+122+333+334a)	317,03 kg	2017 - 2017	Thăm dò

B. Quy hoạch khai thác mỏ khoáng sản đã được Trung ương giao cho Tỉnh quản lý, đáp ứng đủ tiêu chí khoanh định là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ

1	Than Vài Nòn, xã Hồng An, huyện Bảo Lạc	Chưa x/định	Sẽ đưa vào khai thác khi có nhu cầu	Thăm dò
2	Sắt Cao Lù, xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình	1.022.630	2017 - 2020	Thăm dò
3	Sắt Làng Chạng, xã Thề Dục, xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình (333)	166.394	2017 - 2020	Thăm dò
4	Sắt Khuổi Rào - Phiêng Léch, xã Hưng Đạo, xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc	"	2017 - 2020	Thăm dò
5	Sắt Bản Chang, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	41.794	2017 - 2020	Thăm dò
6	Sắt phần ngoài mỏ Ngườm Cháng, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
7	Sắt Nà Căng, xã Hồng Việt, huyện Hòa An	136.000	2017 - 2020	Thăm dò
8	Sắt Bó Lếch - Hào Lịch, xã Hoàng Tung, xã Hồng Việt, huyện Hòa An	584.661	2017 - 2020	Thăm dò
9	Sắt Lũng Khoen, xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
10	Sắt Tây Bản Luộc, thị trấn Nguyên Bình	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
11	Sắt Nà Đổng, phường Duyệt Trung, TP Cao Bằng	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
12	Sắt Khuổi Lếch, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
13	Sắt Bó Ninh, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
14	Sắt Boong Quang, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng	198.564	2017 - 2020	Thăm dò
15	Sắt Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
16	Sắt lãn Nà Cạn, phường Sông Bằng, TP Cao Bằng	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
17	Sắt Khau Gạm, xã Đức Long, huyện Hòa An	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
18	Sắt Khau Mía, xã Đức Long, huyện Hòa An	"	2017 - 2020	Thăm dò
19	Sắt Phiêng Gù, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	"	2017 - 2020	Thăm dò
20	Sắt Cốc Phung, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	"	2017 - 2020	Thăm dò
21	Sắt Háng Hoá, xã Dân Chủ, huyện Hòa An	"	2020 - 2030	Thăm dò
22	Sắt Chộc Sọ, xã Lê Lai, huyện Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò
23	Sắt Phiêng Buồng - Phiêng Buồng, xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc	"	2017 - 2020	Thăm dò
24	Sắt Nặm Lìn, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc	"	2017 - 2020	Thăm dò
25	Sắt lãn Nà Luộc, thị trấn Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
26	Sắt Bó Vạm, xã Thê Dục, xã Vũ Nông, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình	"	2017 - 2020	Thăm dò
27	Sắt Bản Nùng - Bản Luộc, xã Thê Dục, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình	195.192	2017 - 2018	Thăm dò
28	Mangan Lũng Luông, xã Phòng Châu, huyện Trùng Khánh (122)	388.677	2017 - 2018	Thăm dò
29	Mangan Tóc Tát, xã Quang Trung, xã Tri Phương, huyện Trà Lĩnh (121+122)	1.249.998	Đang k/thác	Thăm dò
30	Mangan Pài Cai (bắc Roỏng Tháy), xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh	Chưa x/định	2017 - 2018	Thăm dò
31	Mangan Bản Mặc, xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh (333+334b)	306.679	2017 - 2018	Thăm dò
32	Mangan Pác Thành, xã Đoài Côn, huyện Trùng Khánh	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
33	Mangan Dong Ồi, xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh	"	2017 - 2020	Thăm dò
34	Mangan Bản Hấu, xã Cao Thăng, huyện Trùng Khánh	"	2017 - 2020	Thăm dò
35	Mangan Lũng Gà - Lũng Oai - Lũng Hoài, xã Lãng Hiều, huyện Trùng Khánh	"	2017 - 2020	Thăm dò
36	Mangan Nà Mẩn, xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
37	Mangan Pò Viên, xã Quốc Dân, huyện Quảng Uyên	"	2017 - 2020	Thăm dò
38	Mangan Tảng Giường - Kép Ky, xã Quang Trung, xã Tri Phương, huyện Trà Lĩnh	"	2017 - 2018	Thăm dò
39	Đồng Bản Đe, thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm	"	2017 - 2020	Thăm dò
40	Đồng Lũng Liềm, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm (334b)	Cu = 12.857 Pb = 1.136, Zn = 182	GP còn hiệu lực	Thăm dò
41	Đồng - niken Suối Cùn, xã Ngũ	Chưa x/định	GP còn hiệu	Thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
	Lão, huyện Hòa An và phường Sông Bằng, TP Cao Bằng		lục	
42	Chì kẽm Pù Bó, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
43	Chì kẽm Tống Tinh, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình (333+334a)	7.534	2017 - 2020	Thăm dò
44	Chì kẽm Bản Đồng, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình	611	2017 - 2020	Thăm dò
45	Chì kẽm Lũng Moỏng, xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình	1.728	2017 - 2020	Thăm dò
46	Bauxit Cáy Tắc, xã Kéo Yên, huyện Hà Quảng	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
47	Bauxit Pắc Giữa, xã Phong Nặm, huyện Trùng Khánh	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
48	Bauxit Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Hòa An	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
49	Bauxit ĐN Lũng Luông, xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
50	Bauxit Lũng Luông, xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình	"	2017 - 2020	Thăm dò
51	Antimon Hát Han, xã Đức Hạnh, huyện Nguyên Bình (333+334a)	270.854	2017 - 2020	Thăm dò
52	Antimon Nam Viên, xã Đình Phùng, huyện Bảo Lạc (334a)	619,6	2017 - 2020	Thăm dò
53	Antimon Khau Hai, xã Trọng Con, huyện Thạch An	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
54	Antimon Nà Ngàn, xã Lê Lợi, huyện Thạch An	"	2020 - 2030	Thăm dò
55	Antimon Lũng Cốc, xã Đức Xuân, huyện Thạch An	"	2020 - 2030	Thăm dò
56	Antimon Linh Quang, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò
57	Antimon Dược Lang, xã Mai Long, huyện Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò
58	Thiếc Nà Ngàn, xã Trương Lương, xã Công Trùng, huyện Hòa An	"	2020 - 2030	Thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
59	Thiếc sa khoáng Nà Khoang, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình (333)	120 tấn	2020 - 2030	Thăm dò
60	Thiếc Khuôn Rầy, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình (333)	10,44 tấn SnO ₂ ; 1,2 kg Au	2020 - 2030	Thăm dò
61	Thiếc Phương Xuân (Nậm Quang), xã Phan Thanh, huyện Nguyên Bình (122)	60 tấn casiterit	2020 - 2030	Thăm dò
62	Vàng Thảm Riềm I, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
63	Vàng Thảm Riềm II, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm	"	2017 - 2020	Thăm dò
64	Vàng Bản Giam (Bản Liềm), (334b)	Au = 586kg, Ag = 3900kg	2017 - 2020	Thăm dò
65	Vàng Nậm Kim - Dục Lang, xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình (334a)	69,9 kg Au	2020 - 2030	Thăm dò
66	Vàng Khuổi Tông, xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình (334a)	19,1 kg Au	2020 - 2030	Thăm dò
67	Vàng Nộc Sloa, xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình (334a)	170,2 kg Au	2020 - 2030	Thăm dò
68	Vàng Pác Bó, xã Thế Dục, huyện Nguyên Bình	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
69	Vàng Khau Man, xã Minh Khai, huyện Thạch An	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
70	Vàng Nậm Giang, xã Quang Trọng, huyện Thạch An	"	2020 - 2030	Thăm dò
71	Vàng gốc Phiêng Dầy - Khau Sliềm, xã Minh Khai và xã Quang Trọng, huyện Thạch An	"	2017 - 2020	Thăm dò
72	Vàng Lũng Cuối, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm	"	2020 - 2030	Thăm dò
73	Vàng Cốc Mía - Cốc Cai, xã Mai Long, huyện Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò
74	Vàng Nà Đông (Nà Doong), xã Ca Thành, huyện Nguyên Bình	"	2020 - 2030	Thăm dò
75	Vàng Cốc Găng, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng	"	2020 - 2030	Thăm dò

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
76	Barit Tổng Ngoảng, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
77	Barit - chì kẽm Phiêng Mường Bản Khun, thị trấn Pác Miều và xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	"	2017 - 2020	Thăm dò
78	Phốt phát Nam Tuấn, huyện Hòa An (122+333)	11.343	2020 - 2030	Thăm dò
79	Phốt phát Lam Sơn (Lũng Chung), xã Hồng Việt, huyện Hòa An (122)	826,6	2020 - 2030	Thăm dò
80	Thạch anh Nà Bản, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	Chưa x/định	2017 - 2020	Thăm dò
81	Dolomit Sộc Khăm, xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh	"	2020 - 2030	Thăm dò
82	Dolomit Nà Ôn, xã Vân Trình, huyện Thạch An	"	2020 - 2030	Thăm dò
83	Sét Kaolin Nà Gường, xã Bé Triều, huyện Hòa An (334a)	377.195 tấn sét kaolin	2020 - 2030	Thăm dò
84	Đá vôi ốp lát Kéo Quyển, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
85	Đá silic Bản Piên, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh (334b)	4.000 m ³	2020 - 2030	Thăm dò
86	Đá ốp lát Nà Giốc, xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh (đá vôi đen)	Chưa x/định	2020 - 2030	Thăm dò
C. Quy hoạch khai thác tận thu				
1	Sắt Khuổi Tông	Chưa x/định	2017 - 2020	Đã đóng cửa mỏ
2	Sắt Lũng Luông	Chưa x/định	2017 - 2020	"
3	Sắt Bản Nùng I - Nà Bioóc	Chưa x/định	2017 - 2020	"
4	Sắt Đăm Đông - Lũng Phải	Chưa x/định	2017 - 2020	"
5	Sắt Nà Đoòng I, Nà Đoòng II và đồi Khe Khoòng	Chưa x/định	2017 - 2020	"
6	Mangan Lũng Phậy	Chưa x/định	2017 - 2020	"
7	Mangan Tả Than-Hiếu Lễ	Chưa x/định	2017 - 2020	"
8	Mangan Lũng Nạp	Chưa x/định	2017 - 2020	"
9	Thiếc Bãi thải Thập Lục Phần	674,47 tấn		Đang khai

TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Trữ lượng và tài nguyên còn lại (tấn)	Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện	Những việc cần làm trước khi khai thác
	(333+334a)	Casiterit		thác

Ngoài ra, trong giai đoạn 2017 - 2030, sau khi có kết quả thăm dò, sẽ rà soát phân loại quy mô khai thác tại các mỏ, điểm mỏ phù hợp trữ lượng khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy hoạch sử dụng khoáng sản

Quy hoạch sử dụng khoáng sản đến năm 2020, có xét đến năm 2030 được dựa trên cơ sở khối lượng khoáng sản cần khai thác, cung cấp cho nhu cầu sản xuất trong từng giai đoạn của các doanh nghiệp; chất lượng, trữ lượng khoáng sản sau tuyển khoáng phải đảm bảo cho các cơ sở sản xuất hoạt động ổn định theo dự án đã phê duyệt; sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản. Các dự án nhà máy chế biến khoáng sản phải phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Chỉ duy trì và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư nhà máy chế biến khoáng sản trên cơ sở khẳng định được vùng nguyên liệu đảm bảo cho chế biến đạt hiệu quả kinh tế và không gây ô nhiễm môi trường.

4.4. Các vùng khai thác và chế biến khoáng sản

Các vùng khai thác và chế biến khoáng sản tập trung vào 03 vùng sau:

Vùng 1: vùng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản trung tâm (thành phố Cao Bằng, huyện Hòa An) là nơi khai thác quặng sắt, luyện gang thép, chế biến mangan kim loại điện giải, bột dioxit mangan, fero mangan, khai thác và tuyển nổi quặng niken - đồng.

Vùng 2: vùng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản miền Đông: tập trung khai thác quặng mangan và chế biến feromangan, bột dioxit mangan.

Vùng 3: vùng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản miền Tây:

- Phát triển cụm công nghiệp khai thác, chế biến quặng thiếc - wolfram Nguyên Bình;

- Khai thác và chế biến quặng chì kẽm, barit, antimon tại Bảo Lâm.

5. Nhiệm vụ và những giải pháp

5.1. Giải pháp về công tác quản lý về tài nguyên khoáng sản

- Xác định khai thác và chế biến khoáng sản là nguồn lực đóng góp không nhỏ cho ngân sách của tỉnh để đầu tư phát triển các lĩnh vực khác của địa phương ;

- Vận dụng hợp lý Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành; tăng cường tuyên truyền Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn sâu rộng trong toàn tỉnh;

- Xây dựng chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản của tỉnh với phương châm tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả kinh tế cao, không xuất khẩu quặng thô, đẩy mạnh khai thác gắn liền với chế biến tại chỗ, chế biến sâu;

- Thống nhất quản lý khoáng sản trên toàn tỉnh, phân định rõ trách nhiệm các cấp, các ngành, nâng cao hiệu lực quản lý các cấp từ tỉnh đến xã.

5.2. Giải pháp về vốn

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp lớn trong nước có năng lực (về tài chính, công nghệ . . .) tham gia xã hội hóa, đầu tư vào lĩnh vực điều tra đánh giá và thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường hợp tác với các Tỉnh, Thành phố có các khu công nghiệp chế biến khoáng sản nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của mỗi địa phương để phát triển kinh tế - xã hội;

- Kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động khoáng sản của tỉnh theo quy định, ưu tiên thu hút đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản bauxit, mangan.

5.3. Giải pháp về kỹ thuật công nghệ và bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống dữ liệu tài nguyên khoáng sản của tỉnh, lập kế hoạch đánh giá, thăm dò khoáng sản nhằm phát hiện các điểm mỏ mới và tăng trữ lượng khoáng sản, tạo cơ sở cho khai thác khoáng sản ;

- Khai thác có sự điều hòa giữa quặng giàu với quặng nghèo, tạo giá trị cho các mỏ có chất lượng thấp ;

- Đối với công tác thăm dò khoáng sản: yêu cầu chủ giấy phép thăm dò bổ sung các điểm mỏ đã được cấp nhưng chưa có số liệu chính xác về trữ lượng. Các điểm mỏ dự kiến khai thác trong giai đoạn 2017 - 2030 phải tiến hành thăm dò trước khi cấp phép khai thác ;

- Đối với hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản: Yêu cầu các chủ giấy phép từng bước áp dụng công nghệ tiên tiến để khai thác triệt để tài nguyên; thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường sinh thái trong khai thác khoáng sản; quản lý sản lượng khai thác trên cơ sở giấy phép được cấp và trữ lượng khoáng sản đã được xác định qua thăm dò. Yêu cầu các cơ sở chế biến đã xây dựng xong phải hoạt động liên tục; khuyến khích liên doanh, liên kết đối với các dự án có sản phẩm giống nhau; kiểm tra giám định công nghệ các cơ sở chế biến đã được cấp giấy phép xây dựng, nếu công nghệ chưa phù hợp các quy định

hiện hành phải nâng cấp hoặc dừng sản xuất để tránh lãng phí tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường;

- Đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản vàng (các mỏ chưa có nhà đầu tư) sẽ cấp phép chủ yếu theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và chỉ làm thí điểm, không làm tràn lan, quy trình quản lý đảm bảo chặt chẽ;

- Tách bạch kết quả hoạt động khai thác và hoạt động chế biến khoáng sản để làm cơ sở tính toán chính xác nguồn thu nộp ngân sách nhà nước của các chủ giấy phép;

- Xúc tiến học tập, ứng dụng công nghệ khai thác khoáng sản của quốc tế nhằm đạt được hiệu quả cao nhất và bảo vệ môi trường.

5.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

Có chính sách thu hút, đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động trong chuyên ngành khoáng sản của tỉnh, đặc biệt là giám đốc điều hành mỏ.



CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng